

Working Paper 2021.2.3.04  
- Vol 2, No 3

## **NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH NHỰA Ở HÀ NỘI**

**Đặng Khánh Vân<sup>1</sup>**

Sinh viên K56 Kế toán kiểm toán - Khoa Kế toán kiểm toán  
*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

Giảng viên Khoa Kế toán kiểm toán  
*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

### **Tóm tắt**

Trong bối cảnh nền kinh tế xanh đang trở thành xu hướng tất yếu mang tính toàn cầu, được các quốc gia trên thế giới quan tâm và hướng tới không chỉ nhằm bảo vệ môi trường sống xanh- sạch- đẹp mà còn hướng tới phát triển kinh tế-xã hội một cách bền vững thì trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ngày càng có vai trò quan trọng. Trong xu thế đó, Kế toán trách nhiệm xã hội đang dần chứng tỏ là công cụ lượng hóa hữu hiệu trong việc góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững cũng như đảm bảo tính minh bạch, độ tin cậy trong việc doanh nghiệp công bố báo cáo trách nhiệm xã hội. Nhận thấy được tầm quan trọng và mong muốn tìm ra các nhân tố có ảnh hưởng đến việc áp dụng Kế toán trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội tác giả đã tiến hành thực hiện nghiên cứu bằng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng. Kết quả tác giả xác định được được 4 nhân tố có tác động tích cực và 1 nhân tố tác động tiêu cực đến việc áp dụng Kế toán trách nhiệm xã hội tại các Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội. Qua đó tác giả đưa ra các kiến nghị để việc thực hiện Kế toán trách nhiệm xã hội trong các Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội một cách hiệu quả

**Từ khóa :** Kế toán trách nhiệm xã hội, Doanh nghiệp ngành nhựa, Phát triển bền vững

### **FACTORS AFFECTING THE APPLICATION SOCIAL RESPONSIBILITY ACCOUNTING IN PLASTIC INDUSTRY ENTERPRISES IN HANOI**

#### **Abstract**

In the context that the green economy is becoming an inevitable global trend, countries worldwide are interested and directed to protect the green - clean - beautiful living environment and towards development in a sustainable socio-economic way. Corporate social responsibility plays an increasingly important role. In that trend, social responsibility accounting is gradually proving to be an effective quantification tool in contributing to the achievement of sustainable development goals as well as ensuring transparency and reliability in the publication of corporate reports or social

<sup>1</sup> Tác giả liên hệ, Email : KhanhVanSone@gmail.com

responsibility reports. Realizing the importance and desire to find out the factors that affect the application of social responsibility accounting of plastic enterprises in Hanoi, the author has conducted research by qualitative research combined with quantitative research method. As a result, the author identified 4 factors that have a positive impact and 1 negative impact on the application of social responsibility accounting in plastic enterprises in Hanoi. Thereby the author gives recommendations for the application of social responsibility accounting in plastic enterprises in Hanoi effectively.

**Keywords:** Accounting for social responsibility, Plastic industry Enterprises, Sustainable development.

---

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hiện nay, nền kinh tế xanh đang trở thành xu hướng tất yếu mang tính toàn cầu, hướng tới phát triển kinh tế-xã hội một cách bền vững thì trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ngày càng có vai trò quan trọng và được xem là nhiệm vụ hàng đầu của doanh nghiệp trong việc theo đuổi chiến lược kinh doanh của mình để hướng đến mục đích cao cả vì cộng đồng. Bảo vệ môi trường chính là nhiệm vụ to lớn được đặt lên hàng đầu bởi việc đảm bảo hoạt động kinh doanh của mình không gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường sống, hệ sinh thái chính là quyền lợi chính đáng quan trọng nhất hướng tới vì con người. Tuy nhiên vẫn còn tồn đọng nhiều vấn đề trong việc nhận thức toàn diện, chưa thực sự đồng nhất và dành sự quan tâm đúng mức khiến cho việc thực trách nhiệm xã hội tại các doanh nghiệp tại Việt Nam chưa thực sự hiệu quả.

Kế toán trách nhiệm xã hội đã chứng tỏ là một trong những công cụ kế toán phù hợp với xu thế phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu lượng hóa cũng như báo cáo các thông tin về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong mối quan hệ tác động đến kết quả cũng như hiệu quả kinh doanh. Dù kế toán trách nhiệm xã hội đã xuất hiện và áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới tuy nhiên ở Việt Nam đây vẫn được xem là một lĩnh vực mới, chưa được áp dụng triệt để. Vì vậy để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong xu thế hội nhập toàn cầu hoá thì việc áp dụng kế toán trách nhiệm xã hội vào vào kế toán Việt Nam là một trong những vấn đề cấp thiết và cần dành nhiều sự quan tâm đặc biệt.

Ngành nhựa là một ngành có quan hệ mật thiết với môi trường thông qua việc sử dụng nguyên liệu nhựa để tạo ra sản phẩm nhựa đã gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe cuộc sống của con người. Để kiểm soát được những tác động tiêu cực đó cũng như có thể chủ động trong việc đưa ra các chính sách ngăn chặn xử lý kịp thời thì việc thiết lập một hệ thống đo lường, phân tích và đánh giá qua những con số xác thực là điều vô cùng cần thiết hiện nay. Đề tài “**Nhân tố tác động đến việc áp dụng kế toán trách nhiệm xã hội tại các doanh nghiệp ngành Nhựa ở Hà Nội**” sẽ nghiên cứu và chỉ ra các nhân tố tác động đến việc áp dụng kế toán trách nhiệm xã hội cho các doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội.

## 2. Tổng quan về kế toán trách nhiệm xã hội

### 2.1. Một số khái niệm cơ bản

Trách nhiệm xã hội

Theo Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới về Phát triển Bền vững (WBCSD) tại cuộc đối thoại với các bên liên quan của WBCSD về TNXH, Hà Lan năm 1998 thì “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là sự cam kết liên tục của doanh nghiệp thông qua hoạt động kinh doanh bằng cách

cư xử có đạo đức và đóng góp vào sự phát triển kinh tế trong khi cải thiện chất lượng cuộc sống của lực lượng lao động, của gia đình họ cũng như cộng đồng địa phương và toàn xã hội nói chung”.

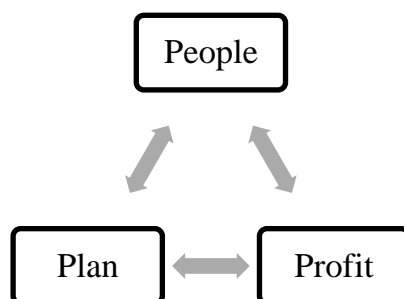
Theo ISO 26000 được công bố bởi ISO, Geneva năm 2010 thì tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội doanh nghiệp xoay quanh 6 nhân tố cốt lõi: quyền con người, cách ứng xử với người lao động, môi trường, thực tiễn hoạt động công bằng, vấn đề người tiêu dùng và sự tham gia và phát triển cộng đồng.

Mặc dù có rất nhiều cách định nghĩa về Trách nhiệm xã hội (TNXH) với hướng nhìn nhận, ngôn ngữ có khác nhau nhưng nội hàm của TNXH đó là việc tăng trưởng kinh tế của công ty, của doanh nghiệp phải gắn liền với lợi ích tăng trưởng kinh tế đất nước, phát triển chung của cộng đồng xã hội đồng thời giảm thiểu tối đa các hậu quả tiêu cực đến môi trường.

#### Kế toán trách nhiệm xã hội

Kế toán trách nhiệm xã hội, kế toán phát triển bền vững, kế toán xã hội và môi trường, kế toán môi trường tuy có cách gọi khác nhau nhưng về bản chất lại cơ bản giống nhau. Chính vì có nhiều cách gọi như vậy nên trong quá trình nghiên cứu của các tác giả trên thế giới và Việt Nam về KTTNXH lại có những diễn giải định nghĩa khác nhau và hiện chưa có một định nghĩa thống nhất nào được công bố. Nhìn chung KTTNXH là sự kết hợp phản ánh và lượng hóa thông tin về mặt xã hội, về môi trường và về kinh tế cho nhà quản trị và các đối tượng khác có liên quan qua đó cung cấp các thông tin và báo cáo cho nhà quản trị và các bên liên quan trong việc nhìn nhận, đánh giá cũng như quyết định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Trong xu thế theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững thì KTTNXH một công cụ đánh giá, đo lường hiệu quả những nỗ lực bảo vệ môi trường, đảm bảo sự ổn định xã hội trong quá trình phát triển kinh tế.

Theo hướng dẫn của dự án SIGMA Anh quốc, năm 2003, KTTNXH thực hiện theo mô hình Triple Bottom Line (TBL) của John Elkington gồm 3 hướng chính : Con người (People), Môi trường (Planet) và Lợi nhuận (Profit). Đây cũng là ba nhiệm vụ của doanh nghiệp trong mục tiêu thực hiện phát triển bền vững. Chính vì vậy nội hàm của KTTNXH cũng sẽ xoay quanh ba yếu tố cốt lõi đó. Nhìn chung việc hạch toán sẽ giống như kế toán truyền thống tuy nhiên các chỉ tiêu KTTNXH sẽ liên quan đến sự tác động kinh tế đối với môi trường và xã hội.



**Hình 1.** Mô hình Triple Bottom Line

**Nguồn :** Andrew Savitz & Karl Weber (2006)

### 3. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Theo Sadeghzadeh (1995) của Trường Đại học Wollongong, Australia, Kế toán trách nhiệm xã hội (KTTNXH) đã bắt đầu xuất hiện và dành được nhiều sự quan tâm khi thế giới phải đối mặt với những vấn đề về môi trường, về cộng đồng xã hội nhưng vào những năm 1970-1980 KTTNXH vẫn chỉ dừng ở mức sơ khai, chưa cụ thể. Các công trình nghiên cứu KTTNXH với mỗi thời kỳ,

giai đoạn lại có những xu hướng nghiên cứu khác nhau hướng mục tiêu phát triển bền vững như là kế toán môi trường, kế toán trách nhiệm và môi trường,...

Từ những năm 1980 Kế toán môi trường (KTMT) nổi lên như là một công cụ quản lý môi trường hiệu quả để giảm thiểu những tác động tiêu cực của doanh nghiệp đối với môi trường. Mặc dù đã xuất hiện tại Mỹ từ những năm 1972 từ Hội nghị thượng đỉnh về môi trường tại Stockholm, Thụy Điển tuy nhiên KTMT chỉ mới dừng lại ở việc hạch toán cấp quốc gia mà chưa đi sâu vào từng doanh nghiệp dẫn tới KTMT chưa thực sự cụ thể và dành nhiều sự quan tâm đặc biệt. Với những giá trị to lớn mang lại, dần dần KTMT trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều công trình nghiên cứu. tập trung vào hai bộ phận cấu thành, đó là: Kế toán quản trị môi trường và Kế toán tài chính môi trường.

Cho đến những năm 1990 nhu cầu thông tin về môi trường lẫn thông tin xã hội ngày càng mạnh mẽ dẫn tới những thay đổi trong việc công bố thông tin của các công ty trong báo cáo thường niên, báo cáo tài chính điều này cũng dẫn đến sự quan tâm đến đề tài nghiên cứu về kế toán trách nhiệm và môi trường (SEA) dựa trên các thông tin được công bố bởi các công ty. Theo Thomson và Bebbington (2005) thì các thông tin trong báo cáo trách nhiệm và môi trường không chỉ chứa các thông tin định lượng mà còn các thông tin định tính, về hình ảnh, giá trị công ty nên được các công ty chú trọng và lựa chọn vô cùng cẩn thận. Về các đề tài nghiên cứu liên quan đến SEA thì vô cùng đa dạng với các khía cạnh tuy nhiên tại Việt Nam đề tài SEA lại là một đề tài tương đối ít, lẻ tẻ.

Cho đến những năm gần đây việc phát triển kinh tế gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững vì kế toán trách nhiệm xã hội được xem là một công cụ hiện đại và toàn diện dung hòa ba mục tiêu : kinh tế, xã hội và môi trường và được thừa nhận là một trong những yếu tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, cho quốc gia và cho toàn thế giới. Một số tác giả tiêu biểu phải kể đến đó là: Gray, Xiaobei,... Tại Việt Nam mặc dù chưa ban hành chế độ kế toán có liên quan đến việc tổ chức KTTNXH trong doanh nghiệp, vì vậy đây vẫn còn là một lĩnh vực mới nhưng ngày càng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đặc biệt trong nền kinh tế hội nhập toàn diện và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Thông qua tìm hiểu các công trình nghiên cứu về các nhân tố tác động đến việc thực hiện KTTNXH ở nhiều quốc gia trên thế giới, có thể thấy các nhân tố không chỉ bắt nguồn từ nội tại mà còn là sự tác động từ bên ngoài doanh nghiệp. Việc thực hiện KTTNXH chịu sự tác động từ nhiều nhân tố khác nhau, các nhân tố có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực, tùy theo đặc thù hoạt động của DN việc áp dụng và mức độ ưu tiên giữa các nhân tố có thể khác nhau.

**Bảng 1.** Bảng tổng hợp các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTTNXH

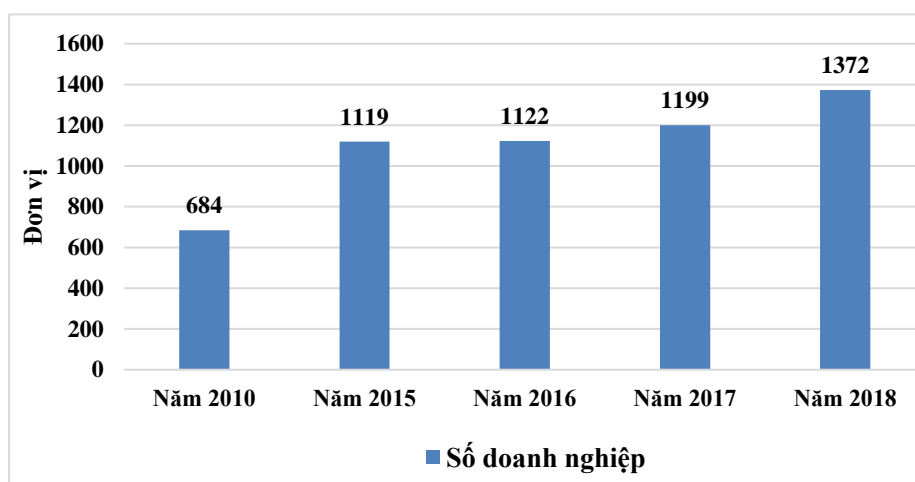
STT	Nhân tố	NC trước có liên quan
1.	Các quy định	Chang (2007), Che và cộng sự (2015)
2.	Nhận thức của nhà quản trị doanh nghiệp về KTTNXH	Gholami và các cộng sự (2012); Trần (2019); Nguyễn (2020)
3.	Áp lực cạnh tranh	Trần và cộng sự (2020); Phương (2020); Hoàng (2021)

STT	Nhân tố	NC trước có liên quan
4.	Trình độ bộ phận kế toán	Alkisher (2013); Che và cộng sự (2015); Nguyễn (2020)
5.	Nhu cầu lập báo cáo TNXH	Nguyễn (2014); Trần (2017)
6.	Điều kiện thực hiện KTTNXH tại Doanh nghiệp	Nguyễn (2017), Lê và Nguyễn (2020)

**Nguồn:** Tác giả sưu tầm và tổng hợp

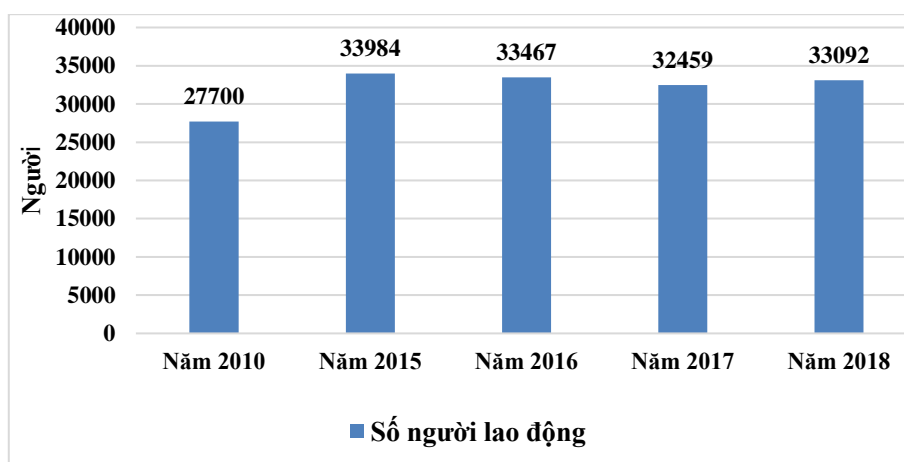
#### 4. Sơ lược về tình hình phát triển và thực hiện Kế toán trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp ngành nhựa Hà Nội

Ngành nhựa Việt Nam là một trong những ngành có tốc độ phát triển khá nhanh so với mặt bằng chung của nền kinh tế. Ước tính tại Hà Nội có hơn 1400 doanh nghiệp nhựa với quy mô vừa và nhỏ chiếm 27,7% trong cơ cấu ngành nhựa Việt Nam, màng bao bì (túi nilon PE, chai nhựa PET,..) vẫn là mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu ngành. Trong đà phát triển chung của ngành, ngành nhựa tại Hà Nội vẫn đang trong giai đoạn tăng trưởng tốt và vẫn luôn có nhiều nỗ lực trong việc đổi mới với công nghệ để đáp ứng quy trình sản xuất và sản phẩm đạt chuẩn ISO.



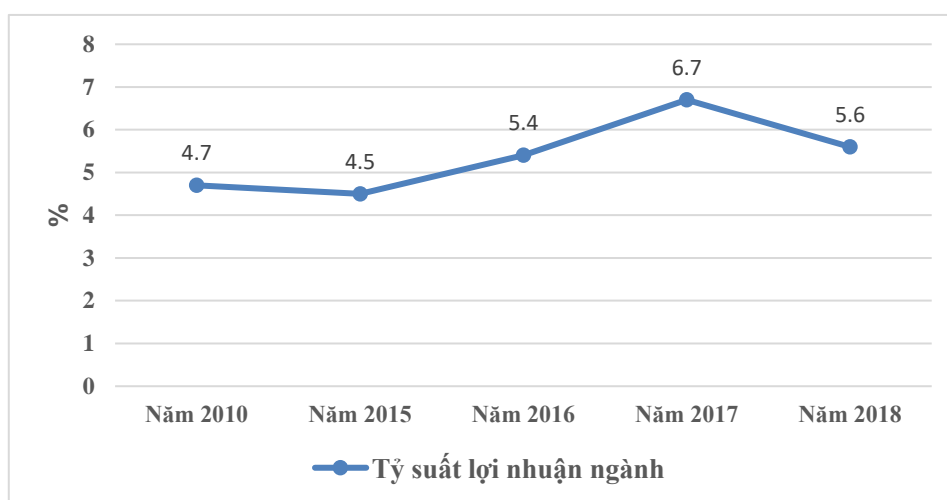
**Hình 2.** Số lượng doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa ở Hà Nội

**Nguồn:** Số liệu từ Niên giám thống kê Hà Nội năm 2018 từ Tổng cục thống kê Cục thống kê thành phố Hà Nội



**Hình 3.** Số lượng lao động sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa ở Hà Nội

**Nguồn:** Số liệu từ Niên giám thống kê Hà Nội năm 2018 từ Tổng cục thống kê Cục thống kê thành phố Hà Nội



**Hình 4.** Tỷ suất lợi nhuận ngành sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa

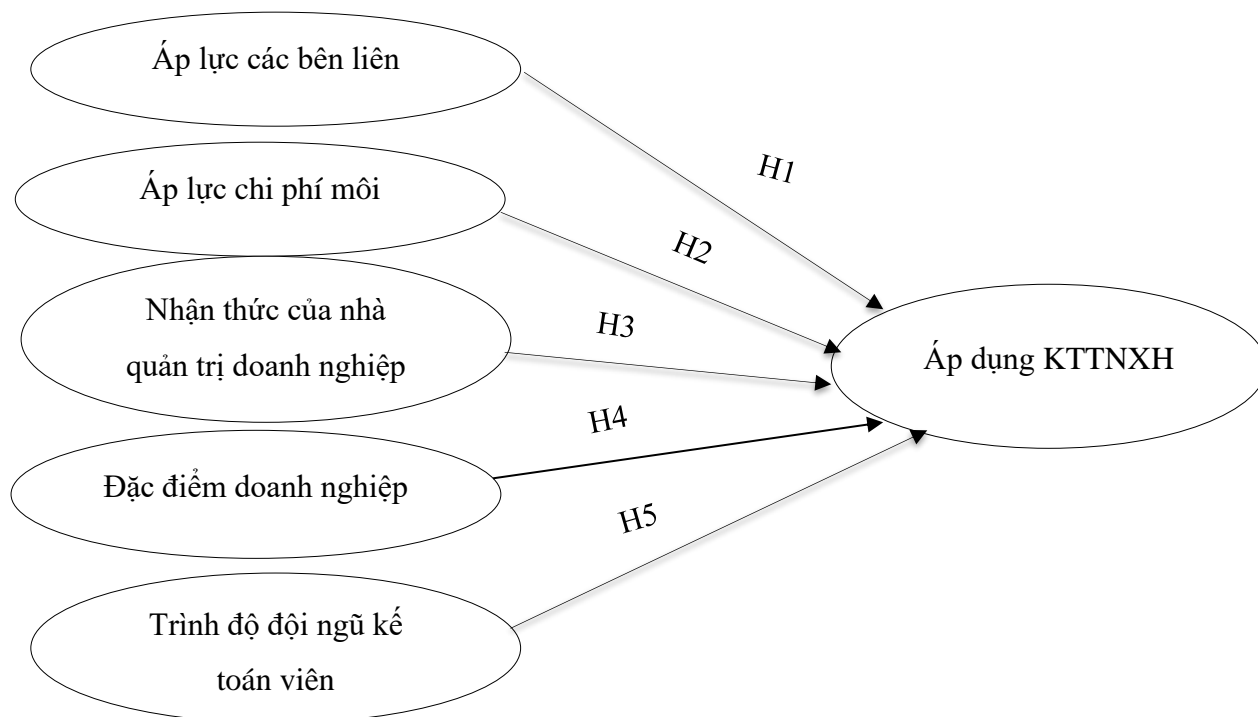
**Nguồn:** Số liệu từ Niên giám thống kê Hà Nội năm 2018 từ Tổng cục thống kê Cục thống kê thành phố Hà Nội

Mặc dù chịu tác động rất lớn từ đại dịch Covid-19 nhưng các công ty nhựa đã có rất nhiều nỗ lực trong việc thực hiện trách nhiệm của mình đối với cộng đồng xã hội, xem triết lý Triple Bottom Line như là cây kim chỉ nam cho việc phát triển kinh tế. Tuy nhiên việc thực hiện KTTNXH ở các doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung và doanh nghiệp ngành nhựa ở Hà Nội nói riêng chưa được quan tâm và chưa được triển khai thực hiện. Tại Việt nam hiện nay, các quy định, chuẩn mực về việc áp dụng KTTNXH còn nhiều bất cập, hạn chế và chưa có tính bắt buộc. Các Doanh nghiệp ngành nhựa quy mô lớn mặc dù chưa áp dụng triển khai KTTNXH đối với doanh nghiệp của mình nhưng trong báo cáo thường niên hàng năm, các doanh nghiệp đã cung cấp thông tin cho các bên liên quan và cộng đồng báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội. Với các Doanh nghiệp ngành nhựa quy mô nhỏ khi đối mặt với áp lực chi phí, áp lực lợi nhuận cũng như áp lực cạnh tranh thì việc thực thi KTTNXH đang còn đan xen trộn lẫn, chưa thực sự cụ thể rõ ràng, còn rất nhiều hạn chế trong việc cung cấp các thông tin cần thiết trong việc đánh giá TNXH của doanh nghiệp.

## 5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tra cứu và thu thập dữ liệu thứ cấp (định tính) và Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp (định lượng) được tác giả sử dụng trong bài nghiên cứu của mình.

Phần các câu hỏi liên quan đến các NTTĐ đến KTTNXH tác giả cũng sử dụng câu hỏi đóng thang đo Likert 5 cấp độ để đo lường ý kiến của người tham gia khảo sát.



**Hình 5.** Mô hình nghiên cứu tổng quan

**Nguồn:** Tác giả đề xuất và tổng hợp

Từ sự đúc kết những công trình nghiên cứu trên, tác giả kế thừa và phát triển 5 nhân tố tác động đến KTTNXH trong Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội, đó là : Áp lực từ các bên liên quan, Áp lực chi phí môi trường, Nhận thức của nhà quản trị doanh nghiệp, Đặc điểm của doanh nghiệp ngành nhựa, Trình độ của đội ngũ kế toán viên trong bài khóa luận của mình qua đó đề xuất thang đo các NTTĐ trong mô hình nghiên cứu như sau:

**Bảng 2.** Bảng tổng hợp các thang đo các nhân tố tác động trong mô hình nghiên cứu

<b>Nhân tố</b>	<b>Các biến quan sát – thang đo</b>
H1 : Áp lực từ các bên liên quan có tác động tích cực đến việc thực hiện KTTNXH	AL1: Áp lực từ các cơ quan Nhà nước về các quy định liên quan kế toán trách nhiệm xã hội AL2: Áp lực từ các cổ đông, nhà đầu tư về thông tin, báo cáo môi trường AL3: Áp lực từ nhà cung cấp AL4: Áp lực từ đối thủ cạnh tranh AL5: Áp lực từ tổ chức môi trường AL6: Áp lực từ Dư luận xã hội và người tiêu dùng
H2 : Áp lực chi phí môi trường có tác động tích cực đến việc thực hiện KTTNXH	CP1: Chi phí cho xử lý và kiểm soát ô nhiễm mùi CP2: Chi phí làm sạch chất thải trước khi thải ra Môi trường CP3: Chi phí Tiền phạt, phí thải, tiền bồi thường CP4: Chi phí độc hại cho cán bộ nhân viên
H3 : Nhận thức của nhà quản trị doanh nghiệp có tác động tích cực đến việc thực hiện KTTNXH	NT1: Nhà quản trị có hiểu biết sâu sắc về kế toán trách nhiệm xã hội NT2: Kế toán trách nhiệm xã hội giúp doanh nghiệp cải thiện được hiệu quả hoạt động kinh doanh NT3: Kế toán trách nhiệm xã hội là theo xu hướng quốc tế hóa để tăng cường khả năng hội nhập toàn cầu của doanh nghiệp NT4: Nhà quản trị có sử dụng báo cáo có thông tin số liệu từ kế toán trách nhiệm xã hội trong việc đưa ra quyết định
H4 : Đặc điểm của doanh nghiệp ngành nhựa có tác động tích cực đến việc thực hiện KTTNXH	DD1: Quy mô doanh nghiệp của doanh nghiệp ngành nhựa DD2: Cơ sở hạ tầng để thực hiện trách nhiệm xã hội của của doanh nghiệp ngành nhựa DD3: Doanh nghiệp ngành nhựa ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán trách nhiệm xã hội DD4: Mô hình tổ chức của phòng ban Kế toán
H5 : Trình độ của đội ngũ kế toán viên có có tác động tích cực đến việc thực hiện KTTNXH	TD1: Kiến thức và kỹ năng của kế toán trưởng của công ty TD2 : Kế toán viên có thêm chứng chỉ chuyên môn quốc tế như CMA, ACCA, ICAEW,...



Nhân tố	Các biến quan sát – thang đo
	TD3 : Kế toán viên dày dạn kinh nghiệm, có kỹ năng xử lý với nhiều tình huống khác nhau
H6 : Áp dụng KTTNXH tại Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội	TH1: Chính phủ, bộ tài chính cần ban hành và hướng dẫn thực hiện chế độ Kế toán trách nhiệm xã hội cho doanh nghiệp TH2: Kế toán trách nhiệm xã hội cần được đưa vào giảng dạy trong các chương trình đại học, sau đại học tại Việt Nam TH3: Doanh nghiệp tại Việt Nam cần có bộ phận chuyên trách Kế toán trách nhiệm xã hội thuộc bộ máy kế toán doanh nghiệp

**Nguồn:** Tác giả tổng hợp

## 6. Kết quả nghiên cứu

### 6.1. Kiểm định sự tin cậy của thang đo

Biến quan sát DD4 (*Mô hình tổ chức của phòng ban Kế toán*) có giá trị bằng 0,167 chưa thực sự giải thích và phản ánh được tính chất đặc trưng cho biến độc lập *Đặc điểm của doanh nghiệp ngành nhựa* vì vậy đã bị loại để tránh khả năng gây ra sai sót khi phân tích EFA Sau khi loại bỏ tác giả tiến hành kiểm định lại và tất cả các biến quan sát còn lại đều đáp ứng độ tin cậy để tiếp tục tiến hành phân tích EFA.

**Bảng 3.** Kiểm định độ tin của thang đo

Code	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted	Scale Mean if Item Deleted
<i>Thang đo “Áp lực từ các bên liên quan (AL)”, Alpha = 0,901</i>				
AL1	18,66	19,986	0,791	0,874
AL2	18,81	19,553	0,782	0,875
AL3	19,08	22,830	0,522	0,911
AL4	19,14	19,633	0,698	0,889
AL5	18,89	19,144	0,781	0,875
AL6	18,61	19,838	0,819	0,870
<i>Thang đo “Áp lực chi phí Môi trường (CP) ”, Alpha = 0,903</i>				
CP1	8,73	8,389	0,846	0,850
CP2	8,75	9,321	0,748	0,886
CP3	8,65	9,411	0,780	0,876

Code	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted	Scale Mean if Item Deleted
CP4	8,96	8,558	0,763	0,883
<b><i>Thang đo “Nhận thức của nhà quản trị DN về KTTNXH (NT)”, Alpha = 0,856</i></b>				
NT1	9,63	5,844	0,842	0,756
NT2	9,66	5,497	0,844	0,751
NT3	9,66	5,445	0,724	0,816
NT4	9,82	8,497	0,450	0,903
<b><i>Thang đo “Đặc điểm của doanh nghiệp ngành nhựa (DD)”, Alpha = 0,790</i></b>				
DD1	7,24	3,028	0,428	0,923
DD2	7,24	2,522	0,745	0,596
DD3	7,26	2,292	0,757	0,569
<b><i>Thang đo “Trình độ của đội ngũ kế toán viên (TD)”, Alpha = 0,692</i></b>				
TD1	6,76	1,808	0,558	0,565
TD2	6,89	3,039	0,435	0,691
TD3	7,00	2,478	0,582	0,515
<b><i>Thang đo “Áp dụng KTTNXH tại Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội (TH)”, Alpha = 0,639</i></b>				
TH1	6,81	2,241	0,573	0,344
TH2	7,09	2,714	0,475	0,502
TH3	6,82	3,608	0,321	0,693

**Nguồn:** Kết quả tác giả xử lý qua phần mềm SPSS

## **6.2. Phân tích nhân tố khám phá**

Phân tích nhân tố khám phá EFA mô hình nghiên cứu còn 19 biến quan sát cho 5 biến độc lập và 3 biến quan sát cho 1 biến phụ thuộc sau khi loại biến quan sát TD1 : Kiến thức và kỹ năng của kế toán trưởng của công ty. Các biến quan sát được rút trích vào các nhóm đảm bảo tính đại diện và giải thích cho các thang đo đề xuất ban đầu.

**Bảng 4.** Ma trận nhân tố xoay (Rotated component matrix) các biến quan sát

<b>Rotated Component Matrixa</b>					
<b>Component</b>					
	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
AL6	0,871				
AL2	0,785				
AL4	0,775				
AL5	0,769				
AL1	0,757				
AL3	0,617				
CP1		0,897			
CP2		0,849			
CP3		0,836			
CP4		0,801			
NT1			0,851		
NT2			0,818		
NT3			0,738		
NT4			0,673		
DD3				0,935	
DD2				0,909	
DD1				0,629	
TD2					0,854
TD3					0,539

**Bảng 5.** Bảng ma trận nhân tố biến phụ thuộc

<b>Component Matrix<sup>a</sup></b>	
<b>Component</b>	
	<b>1</b>
TH1	0,855
TH2	0,789
TH3	0,623

**Nguồn:** Kết quả tác giả xử lý qua phần mềm SPSS

### 6.3. Kiểm định mô hình nghiên cứu

Tác giả đề xuất phương trình tuyến tính cho mô hình như sau:

$$TH = \beta AL + \beta CP + \beta NT + \beta DD + \beta TD$$

Trong mô hình nghiên cứu của tác giả, 5 biến độc lập đưa vào ảnh hưởng 81,1% sự thay đổi của việc thực hiện KTTNXH ở Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội, còn lại 18,9% là do các biến ngoài mô hình hoặc do sai số ngẫu nhiên.

**Bảng 6.** Hệ số phương trình hồi quy

<b>Coefficients<sup>a</sup></b>							
<b>Model</b>	<b>Unstandardized Coefficients</b>		<b>Standardized Coefficients</b>			<b>Collinearity Statistics</b>	
	<b>B</b>	<b>Std. Error</b>	<b>Beta</b>	<b>t</b>	<b>Sig</b>	<b>Tolerance</b>	<b>VIF</b>
1 (Constant)	0,523	0,267		1,963	0,051		
F_AL	0,197	0,039	0,225	5,039	0,000	0,595	1,682
F_CP	-0,226	0,032	-0,285	-7,035	0,000	0,723	1,382
F_NT	0,369	0,041	0,389	8,973	0,000	0,634	1,577
F_DD	0,331	0,036	0,327	9,198	0,000	0,938	1,066
F_TD	0,136	0,046	0,117	2,958	0,004	0,757	1,321

**Nguồn:** Kết quả tác giả xử lý qua phần mềm SPSS

- Phương trình tuyến tính cho mô hình sẽ là :

$$TH = 0,389 NT + 0,327 DD - 0,285 CP + 0,225AL + 0,117 TD$$

Kết quả cũng chỉ ra giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm, giả định quan hệ tuyến tính không bị vi phạm và không có hiện tượng phương sai thay đổi xảy ra.

Từ kết quả nghiên cứu định lượng, tác giả rút ra bảng tổng hợp đánh giá các giả

**Bảng 7.** Kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

GT	Nhân tố	Sig	Giá trị $\beta$	Đánh giá
H1	Áp lực từ các bên liên quan	0,000	0,225	Tác động cùng chiều
H2	Áp lực chi phí Môi trường	0,000	-0,285	Tác động ngược chiều
H3	Nhận thức của nhà quản trị DN về KTTNXH	0,000	0,389	Tác động cùng chiều
H4	Đặc điểm của doanh nghiệp ngành nhựa	0,000	0,327	Tác động cùng chiều
H5	Trình độ của đội ngũ kế toán viên	0,004	0,117	Tác động cùng chiều

**Nguồn:** Kết quả điều tra

Qua kết quả kiểm định giả thuyết, có thể thấy Áp lực các bên liên quan, Nhận thức của nhà quản trị DN về KTTNXH, Đặc điểm của doanh nghiệp ngành nhựa, Trình độ của đội ngũ kế toán viên càng tăng, càng lớn (giá trị  $\beta$ ) thì việc áp dụng KTTNXH càng tăng, càng thuận lợi.

Còn biến độc lập Áp lực chi phí môi trường lại tác động ngược chiều, áp lực chi phí càng lớn thì việc áp dụng KTTNXH ở các Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội càng giảm, càng gặp nhiều bất lợi.

Là một ngành nhạy cảm với môi trường, áp lực chi phí môi trường quả là một gánh nặng vô cùng lớn đối với các doanh nghiệp. Đặc biệt hiện chưa có các thông tư, văn bản chính thức cụ thể hướng dẫn về việc thực hiện KTTNXH chính vì vậy Doanh nghiệp ngành nhựa khi thực hiện, doanh nghiệp khá e dè bởi không biết nên thực hiện theo quy định nào và khi xảy ra vi phạm hay khiếu kiện cũng không biết căn cứ như thế nào. Vì thế sự thay đổi trong hệ thống tổ chức nội bộ và công nghệ là điều cần thiết. Điều đó thực sự là một thách thức đối với Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội bởi đặc thù loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, dường như nguồn lực tài chính thực sự mạnh dẫn đến việc phân bổ nguồn lực tài chính cho việc thực hiện KTTNXH sẽ bị hạn chế rất nhiều. Tối đa hóa lợi nhuận vẫn là mục tiêu hàng đầu, việc đổi mới so với cách vận hành truyền thống cần nhiều hơn sự đầu tư thời gian, công sức và chi phí phải bỏ ra, phải chăng đó có thể là nguyên nhân chính làm cho các Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội vẫn còn e ngại trong việc triển khai áp dụng, dẫn đến kết quả nghịch chiều như đã phân tích trên.

## **7. Kiến nghị triển khai áp dụng kế toán trách nhiệm xã hội tại doanh nghiệp ngành nhựa Hà Nội**

Thứ nhất, lãnh đạo Doanh nghiệp ngành nhựa cần thay đổi cách tư duy, nhìn nhận về môi trường, về trách nhiệm xã hội và vai trò của thông tin KTTNXH. Nhà quản trị doanh nghiệp cần chuyển từ trạng thái từ tập trung chủ yếu vào lợi ích kinh tế sang đảm bảo lợi ích kinh tế, lợi ích môi trường và lợi ích cộng đồng..

Thứ hai, doanh nghiệp cần xác lập một mô hình tổ chức kế toán trách nhiệm trong thời gian tới đảm bảo tính chặt chẽ giữa các phòng ban. Bên cạnh đó việc nâng cao kiến thức chuyên môn về KTTNXH cho đội ngũ kế toán viên cũng vô cùng quan trọng trong việc giúp nhân viên thay đổi tư duy, thiết lập cơ chế học hỏi về KTTNXH.

Thứ ba, giảm thiểu áp lực chi phí môi trường trong việc thực hiện kế toán trách nhiệm xã hội doanh nghiệp có thể thiết lập các tiêu chí phân loại chi phí môi trường ví dụ như phân loại theo nội dung kinh tế, theo chức năng,.. cần đặt những định mức cho theo từng mục đích của khoản chi phí để thực hiện các chính sách điều hướng giảm thiểu các chi phí không cần thiết hoặc các loại chi phí có thể tiết kiệm được để tránh thất thoát hoặc sử dụng khoản tiền đó vào mục đích khác.

Thứ tư, Bộ Tài Chính cần sớm ban hành các chuẩn mực liên quan đến KTTNXH dựa trên nền tảng các chuẩn mực kế toán quốc tế.. Các hội Kế toán, Kiểm toán hay các tổ chức liên quan cần triển khai nhiều chương trình, các buổi chia sẻ về kiến thức KTTNXH để những kiến thức, thông tin này không còn xa lạ, không còn dừng lại ở mặt lý thuyết mà có thể áp dụng thực tế tại chính mỗi doanh nghiệp. Đồng thời có thể xem xét đưa chương trình KTTNXH vào hệ thống chương trình đào tạo ngành nghề chuyên môn để sinh viên hoặc những cá nhân muốn nâng cao trình độ, kỹ năng có cơ hội tiếp cận gần với những kiến thức đang được xem là mới mẻ tại Việt Nam.

## **8. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu đã xác định được được 4 nhân tố có tác động tích cực và 1 nhân tố tác động tiêu cực. Đồng thời, tác giả cũng đã chỉ ra những mặt hạn chế trong việc thực hiện tổ chức KTTNXH trong các Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội từ đó đề xuất những kiến nghị để giúp cho thực hiện KTTNXH trong các Doanh nghiệp ngành nhựa tại Hà Nội sớm được áp dụng và thực sự mang lại lợi ích nhiều hiệu quả cho doanh nghiệp, xã hội và môi trường.

Tuy nhiên nghiên cứu chỉ đang xem xét thực hiện KTTNXH trong ngành nhựa và dữ liệu khảo sát chỉ được thu thập trên địa phận Hà Nội nên kích thước mẫu nghiên cứu còn hạn chế. Mặt khác, KTTNXH chưa phổ biến đến tại nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam, việc áp dụng còn nhiều hạn chế nên kết quả khảo sát có thể chưa đủ đảm bảo, chưa thật sự khách quan để phản ánh đúng thực tế về việc thực hiện KTTNXH tại các Doanh nghiệp ngành nhựa ở Hà Nội. Tác giả đề xuất một số hướng nghiên cứu tiếp theo với mong muốn có thể tìm ra cách tiếp cận khách quan và tổng quát hơn : Đi sâu nghiên cứu cụ thể từng nhân tố tác động đến việc áp dụng KTTNXH tại Doanh nghiệp ngành nhựa ở Hà Nội, Mở rộng mẫu nghiên cứu cũng như có thể mở rộng thêm các nhân tố hoặc lựa chọn, bổ sung thêm các biến quan sát để có thêm căn cứ xác nhận sự tác động. Bên cạnh đó mở rộng ra các ngành nghề kinh doanh khác có tác động trực tiếp đến môi trường.

## **Tài liệu tham khảo**

### **Tiếng Việt**

Bộ Tài chính. (2020), *Quyết định số 345/QĐ-BTC Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam*.

Bộ tài nguyên và môi trường. (2016), *Báo cáo hiện trạng môi trường Quốc gia giai đoạn 2011 – 2015*, NXB Tài nguyên- môi trường và bản đồ Việt Nam.

Bùi, N.G. (2020), “Trách nhiệm xã hội với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp”, *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 10.

Huỳnh, Đ.L. (2018), “Kế toán trách nhiệm xã hội”, *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán*, <https://www.hoiketoanhcm.org.vn/vn/trao-doi/ke-toan-trach-nhiem-xa-hoi/>, truy cập ngày 15/05/2021.

Nguyễn, T.H.L. (2014), “Báo cáo kế toán trách nhiệm xã hội, Thực tiễn áp dụng tại các doanh nghiệp châu Âu”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, Tập 30 Số 3.

Nguyễn. T.T. (2020), *Các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán môi trường và tác động của nó đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành dệt may tại Việt Nam*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

Tạ, V.P. (2019), “Báo cáo ngành nhựa Tháng 8/2019”, [http://www.fpts.com.vn/FileStore2/File/2019/09/13/FPTSPlastic\\_Industry\\_ReportAug2019\\_e5e64506.pdf](http://www.fpts.com.vn/FileStore2/File/2019/09/13/FPTSPlastic_Industry_ReportAug2019_e5e64506.pdf), truy cập ngày 10/05/2021.

Tổng cục thống kê Cục thống kê thành phố Hà Nội. (2018), “Niên giám thống kê Hà Nội năm 2018”.

Trần, A.Q. (2018), *Kế toán chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Trường Học viện tài chính.

Trần, M.P. (2017), *Các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện Kế toán trách nhiệm xã hội trong doanh nghiệp tại Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

Võ, V.N. và Nguyễn, T.Đ.L. (2013), “Kế toán môi trường trong mối quan hệ với tăng trưởng xanh của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn phát triển và hội nhập kinh tế toàn cầu”, *Tạp chí Khoa học Tài chính kế toán*, số 1/2013.

Wikipedia. (2021), “Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc”, [https://vi.wikipedia.org/wiki/Chương\\_trình\\_Môi\\_trường\\_Liên\\_Hợp\\_Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chương_trình_Môi_trường_Liên_Hợp_Quốc), truy cập ngày 15/05/2021.

## **Tiếng Anh**

Alkisher, A.O. (2018), “Overview of Drivers behind Environmental Management Accounting (EMA)”, *Journal of Economics and Political Science, Faculty of Economics and Commerce / Al-Asmarya Islamic University*.

Chang, H. & Deegan. (2010), “Exploring factors influencing environmental management accounting adoption at RMIT university”, *In Sixth Asia Pacific Interdisciplinary Research in Accounting (APIRA) conference*, pp. 11 - 13.

Gray, R.H. (1998), “Accounting and the Soul of Sustainability: Hyperreality, Transnational Corporations and the United Nations”, *Centre for Social and Environmental Accounting Research*.

Sadeghzadeh, A. (1995), “Social responsibility accounting, sustainability accounting and Islam”, *University of Wollongong theses on Research Online*, pp. 9 - 42.

Savitz, A. & Weber, K. (2006), “The Triple Bottom Line”, *Jossey Bass*.

Thomson, I.H. & Bebbington, J. (2005), "Social and environmental reporting in the UK: a pedagogic evaluation", *Journal Critical Perspectives on Accounting*, Vol. 16, pp. 507 - 533.